

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HS-ST
Ngày: 01/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông P M S

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông P S Đ;
2. Bà C T N T.

Thư ký phiên tòa: Bà T T H T– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà N T K V- Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

N T H, sinh năm 1993; Nơi sinh: Tân Châu – An Giang; Nơi cư trú: khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: đạo Phật; Con ông N T S, sinh năm 1966 và bà H T T V, sinh năm 1966; Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ ba.

Tiền án: Ngày 18/8/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 29/4/2021.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã Tân Châu từ ngày 25/11/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà N T Đ, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số 65, khóm L T A, phường L T,

thị xã T C, tỉnh A G (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: V T M D, sinh năm 2006. Nơi cư trú: Nơi cư trú: khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G (Vắng mặt).

Người làm chứng:

- Chị Đ T H T, sinh năm 1997 (Vắng mặt);
- Ông N T S, sinh năm 1966 (Vắng mặt);
- Anh H T L, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 25/11/2021, N T H mượn xe đạp điện của V T K D (Em họ của H) đi đến Trung tâm y tế thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang để uống thuốc Methanol. Đến khoảng 10 giờ, H chạy xe về nhà theo đường Tôn Đức Thắng, khi đến khu vực khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G thì thấy căn nhà của bà N T Đ mở cửa, không có người trông coi, nảy sinh ý định vào nhà tìm tài sản lấy trộm. H đạp xe đạp điện ở gần đó, đi bộ vào trong nhà bà Điệp, thấy có 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng đang cắm sạc. H lấy trộm điện thoại, giấu trong người, rồi đi lấy xe chạy về nhà. Trên đường đi đến gara ô tô “Tý” tại khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, H tháo ốp lưng điện thoại ra vứt bỏ bên lề đường, rồi mang điện thoại về nhà cất giấu trong phòng ngủ. Phát hiện bị mất trộm, bà Điệp trình báo, Cơ quan Công an mời H làm việc, H khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 25/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, đã khởi tố, bắt tạm giam N T H về tội “Trộm cắp tài sản”.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5, màu trắng, đã qua sử dụng (do N T H giao nộp, đã trao trả cho bị hại Điệp);
- 01 chiếc xe đạp điện, màu bạc, đã qua sử dụng (đã trao trả cho chủ sở hữu);
- Đối với vật chứng là cái ốp lưng bị can đã tháo bỏ. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm được.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 147/KL-TTHS ngày 03/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản, trong tổ tụng hình sự thị xã Tân Châu, kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 màu trắng đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại là 2.100.000 đồng.
- 01 ốp lưng điện thoại di động nhãn hiệu OPP0 A5, đã qua sử dụng, có trị giá là 20.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản lấy trộm là 2.120.000 đồng.

Cáo trạng số 04/CT-VKSTC ngày 24 tháng 01 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu đã truy tố bị cáo N T H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: bị cáo N T H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại bà N T Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan N T M D; người làm chứng chị Đ T H T, ông N T S và ông H T L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo N T H về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo N T H mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo N T H bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã Tân Châu khởi tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực H đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại

phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực H điều hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: bị hại bà N T Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan V T M D; người làm chứng chị Đ T H T, ông N T S và ông H T L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận do không có tiền tiêu xài, bị cáo đã thực H hành vi lấy trộm tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 25/11/2021, bị cáo N T H lợi dụng sơ hở của bà N T Đ đã lấy trộm một điện thoại màn hình cảm ứng của bà N T Đ để trên bàn máy may trong nhà thuộc khu vực khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G. Sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo đi lại gara ô tô “Tý” tại khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, H tháo ốp lưng điện thoại ra vứt bỏ bên lề đường, rồi mang điện thoại về nhà cất giấu trong phòng ngủ. Tài sản bị cáo lấy trộm có giá trị tổng cộng là 2.120.000 đồng theo biên bản định giá tài sản số 147/KL-HĐĐG.TTHS ngày 03/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo N T H đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bà N T Đ trị giá 2.120.000 đồng đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2....

3....

4....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Do đó, Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố hành vi phạm tội của bị cáo H về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2] Hình phạt:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực H, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng do xuất phát từ bản tính tham lam, lười lao động, xem thường pháp luật nên đã thúc đẩy bị cáo phạm tội, đây cũng là nguyên nhân và động cơ phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bà N T Đ một cách trái pháp luật, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo H đã thực H hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 28/6/2019 bị Ủy ban nhân dân phường Long Sơn, thị xã Tân Châu xử phạt 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Ngày 18/8/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày

29/4/2021 bị cáo chấp hành xong. Lẽ ra bị cáo phải sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân tốt nhưng bị cáo không làm được điều đó và tiếp tục thực H việc phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 màu trắng đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại là 2.100.000 đồng.

- 01 chiếc xe đạp điện, màu bạc, đã qua sử dụng;

Các vật chứng này, quá trình điều tra bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- 01 ốp lưng điện thoại di động nhãn hiệu OPP0 A5, đã qua sử dụng, có trị giá là 20.000 đồng. Vật chứng này Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm được và bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại bà N T Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đánh giá tính chất, mức độ, nhân thân, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như mức hình phạt đối với bị cáo về cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo N T H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố: bị cáo N T H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: N T H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 25/11/2021.

2. Về án phí: *Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Bị cáo N T H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.*

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Công an TX.Tân Châu;
- Nhà Tạm giam (nếu có);
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND xã, phường (nếu có);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa (nếu có);
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

P M S

